TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 7 năm 2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan
2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị Thu T, sinh năm 1993; địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trương Quốc T1, sinh năm 1993; địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn là chị Lưu Thị Thu T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1 có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu nãy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên chữi bới, xúc phạm chị T, nhiều lần đe dọa đánh chị T, dẫn đến chị T bị chứng trầm cảm sau khi sinh. Đến tháng 06/2019, chị T không thể chịu đựng được nên đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị T thấy không còn tình cảm với anh T1, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1 có 01 con chung tên là Trương Bảo N, sinh ngày 04/8/2018. Vợ chồng sống ly thân nên cháu N hiện đang sống cùng với chị T. Từ khi vợ chồng ly thâm anh T1 cũng không quan tâm, chăm sóc hoặc cấp dưỡng để nuôi con. Ly hôn, chị T yêu cầu giao cháu N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Hiện chị T là bán quán ăn, có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lưu Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là anh Trương Quốc T1 đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng anh Trương Quốc T1 cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của anh Trương Quốc T1.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản gốc Đơn khởi kiện; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của chị Lưu Thị Thu T; bản gốc Giấy xác nhận ngày 07/01/2020; bản sao Sổ hộ khẩu của chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1; bản sao Trích lục kết hôn của chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1; bản sao Giấy khai sinh của Trương Bảo N; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi tài liệu, chứng cứ ngày 14/02/2020; bản gốc bản tự khai ngày 12/02/2020; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải ngày 06/5/2020; bản gốc Biên bản xác minh ngày 08/4/2020 của TAND huyện G; bản gốc Biên bản xác minh ngày 14/02/2020 của TAND huyện G;

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1 có đăng ký kết hôn theo số 26, ngày 28/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên chữi bới, xúc phạm và nhiều lần đe dọa đánh chị T dẫn đến chị T bị chứng trầm cảm sau khi sinh. Từ tháng 06/2019, chị T và anh T1 sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau. Anh T1 không tham gia các phiên hòa giải để đoàn tụ và tại phiên tòa cũng vắng mặt, điều đó cho thấy anh T1 không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1 có 01 con chung là cháu cháu Trương Bảo N, sinh ngày 04/8/2018. Chị Lưu Thị Thu T có nguyện vọng được nuôi cháu Trương Bảo N và không yêu cầu anh Trương Quốc T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu N hiện đang là trẻ em dưới 36 tháng tuổi cần được có sự chăm sóc đặc biệt từ người mẹ, hiện cháu cũng đang sống ổn định cùng chị T, chị T hiện có việc làm và thu nhập ổn định, anh T1 không có ý thức chấp hành pháp luật, không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Lưu Thị Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị Thu T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Lưu Thị Thu T và anh Trương Quốc T1 là cháu Trương Bảo N, sinh ngày 04/8/2018 cho chị Lưu Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trương Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Lưu Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005900 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Lưu Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính